

Số: 2761/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm,
huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD - BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị; Thông tư 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Đề cương hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 24/3/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Vũng Liêm về việc thông qua Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2838/TTr-SXD ngày 16/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên khu vực phát triển đô thị: Khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030.

2. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm.

3. Địa điểm, ranh giới và diện tích khu vực phát triển đô thị

a) Địa điểm, ranh giới: Khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm gồm toàn bộ toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Vũng Liêm và 05 xã: Trung Thành, Trung Hiệp, Trung Thành Tây, Trung Thành Đông và xã Trung Hiếu; trong đó:

- Khu vực đô thị hóa tập trung gồm: Thị trấn Vũng Liêm hiện hữu và một phần xã Trung Thành (ấp An Nhơn; ấp Xuân Minh 1); một phần xã Trung Thành Tây (ấp Hòa Nghĩa; ấp Tân Trung; ấp Trung Hậu); một phần xã Trung Thành Đông (ấp Phú An; ấp Phú Nông; ấp Đại Nghĩa); một phần xã Trung Hiếu (ấp An Điền 1).

- Khu vực nghiên cứu kết nối mở rộng: Phần còn lại các xã Trung Thành, Trung Thành Tây, Trung Thành Đông, Trung Hiếu, và toàn bộ xã Trung Hiệp.

Vị trí được xác định như sau:

- Phía Đông giáp sông Cổ Chiên.
- Phía Tây giáp các xã Tân An Luông, Hiếu Phụng và Hiếu Thuận của huyện Vũng Liêm.
- Phía Nam giáp các xã Trung Ngãi và Trung An của huyện Vũng Liêm.
- Phía Bắc giáp các xã Trung Chánh và Quới An huyện Vũng Liêm.

b) Quy mô: đô thị Vũng Liêm có diện tích 7.785,14 ha.

c) Bảng thống kê hiện trạng ranh giới theo đơn vị hành chính:

STT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
I	Khu vực đô thị hóa tập trung	2.278,50
1	Thị trấn Vũng Liêm	469,07
2	Một phần xã Trung Thành (ấp An Nhơn, Xuân Minh 1)	378,95
3	Một phần xã Trung Thành Tây (ấp Hòa Nghĩa, Tân Trung, Trung Hậu)	571,08
4	Một phần xã Trung Thành Đông (ấp Phú An, Phú Nông, Đại Nghĩa)	634,22
5	Một phần xã Trung Hiếu (ấp An Điền 1)	225,18
II	Khu vực nghiên cứu kết nối mở rộng	5.506,64
1	Phần còn lại Xã Trung Thành	1.099,65
2	Phần còn lại xã Trung Thành Tây	697,53
3	Phần còn lại xã Trung Thành Đông	523,69
4	Phần còn lại xã Trung Hiếu	1.422,44
5	Xã Trung Hiệp	1.763,33
	Tổng cộng	7.785,14

4. Mô tả hiện trạng khu vực phát triển đô thị

a) Hiện trạng dân cư: Theo số liệu thống kê năm 2021, dân số thường trú trên địa bàn đô thị Vũng Liêm là 43.855 người; Tổng dân số tạm trú quy đổi tính

đến tháng 12/2021 là 217 người. Dân số toàn đô thị Vũng Liêm năm 2021 (bao gồm dân số tạm trú quy đổi) là: 44.072 người.

b) Hiện trạng sử dụng đất: Hiện trạng sử dụng đất khu vực phát triển đô thị được tổng hợp theo bảng sau:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng DT đất tự nhiên đô thị Vũng Liêm	7.785,14	100,00
A	Tổng DT đất tự nhiên khu vực đô thị hóa tập trung	2.278,50	29,27
I	Đất xây dựng đô thị	232,63	10,21
I.1	Đất dân dụng	184,48	8,10
1.1	Đất khu ở (đất ở, công cộng cấp khu ở, GT khu dân cư)	119,60	5,25
1.2	Cây xanh-TDĐT cấp đô thị	6,75	0,30
1.3	Đất công trình công cộng cấp đô thị	20,81	0,91
1.4	Đất giao thông đô thị	37,32	1,64
I.2	Đất không thuộc khu dân dụng	48,15	2,11
2.1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng	2,33	0,10
2.2	Giao thông đối ngoại	37,53	1,65
2.3	Công trình đầu mối (Viễn thông, điện, nước ...)	1,42	0,06
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	3,33	0,15
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,95	0,13
2.6	An ninh quốc phòng	0,59	0,03
II	Đất khác	2.045,87	89,79
1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.608,93	70,61
2	Đất nuôi trồng thủy sản	13,25	0,58
3	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,13	0,01
4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	423,56	18,59
B	Khu vực nghiên cứu kết nối mở rộng	5.506,64	70,73

c) Hiện trạng công trình kiến trúc xây dựng:

Hiện trạng nhà ở: Nhà ở đô thị Vũng Liêm được chia làm 2 khu vực chính: Khu vực trung tâm thị trấn, dọc Quốc lộ 53, Đường tỉnh 902, Đường tỉnh 907, nhà ở xây dựng tập trung, chen chúc với mật độ cao, khu vực này chủ yếu là nhà kiên cố và bán kiên cố, tầng cao trung bình từ 2-3 tầng. Khu vực ngoại vi chủ yếu là nhà ở gắn với nông nghiệp bám ven các kênh rạch và đường giao thông nội đồng.

Hiện trạng công trình hạ tầng xã hội: Trong khu vực phát triển đô thị có tương đối đầy đủ về số lượng công trình hạ tầng xã hội (hành chính, y tế, giáo dục, thương mại dịch vụ, văn hóa, tôn giáo,...) như:

- Công trình giáo dục: 18 cơ sở giáo dục đào tạo với 4 trường mầm non; 6 trường tiểu học; 5 trường trung học cơ sở; 2 trường trung học phổ thông.

- Công trình y tế: có 1 Trung tâm y tế Nguyễn Văn Thủ, và 6 trạm y tế ở các

xã, thị trấn.

- Công trình văn hóa, thể thao: Trung tâm văn hóa huyện, Thư viện huyện, Quảng trường, Trung tâm văn hóa, thể thao truyền hình huyện Vũng Liêm và Sân vận động huyện.

- Công trình thương mại dịch vụ: Trung tâm thương mại thị trấn Vũng Liêm, Chợ nông sản 01, Chợ nông sản 02,...

d) Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Trong khu vực có các tuyến giao thông đối ngoại sau: Đường Quốc lộ 53, Đường Tỉnh 902, Đường Tỉnh 907.

- Giao thông đô thị: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (lộ giới 30m), đường Phong Thới (lộ giới 18m), Đường nội ô số 1, 2, 3, 4, Đường Vũng Liêm - Trung Hiệp,... có hệ thống hạ tầng được đầu tư tương đối hoàn chỉnh phục vụ khu vực dân cư đông đúc.

Cấp nước: Hiện nay đô thị Vũng Liêm đang được cấp nước từ Nhà máy nước Vũng Liêm công suất 3.000 m³/ngày đêm. Tỷ lệ người dân đô thị được cấp nước từ nhà máy đạt 99,2%, tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%, cơ bản đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân khu vực.

Cấp điện:

- Nguồn cung cấp điện: Hiện trạng về lưới điện trung thế của thị trấn Vũng Liêm đầu nối lấy điện từ tuyến LTD.471 – Trạm Vũng Liêm 110/22KV 2x50MVA Vũng Liêm cấp vào thị trấn Vũng Liêm và một phần từ trạm 110/22KV Vũng Liêm có công suất 2x50MVA, đường dây trung thế 3P4W (22KV).

- Mạng phân phối: gồm 9 tuyến trung thế dài 12km; 15 tuyến hạ thế dài 36km, cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Thoát nước thải: Đô thị Vũng Liêm chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt được xử lý bằng các bể tự hoại ngay tại hộ gia đình sau đó thoát chung vào cống nước mưa và thoát ra sông rạch gần nhất. Hệ thống thoát nước hiện trạng chưa hoàn chỉnh, chủ yếu ở khu vực trung tâm Thị trấn, dọc theo tuyến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khu Trung tâm thương mại, Khu tái định cư.

Xử lý chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị chưa được thu gom hoàn toàn và xử lý tập trung. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom chiếm 93,1% lượng chất thải rắn phát sinh.

5. Cơ sở hình thành khu vực phát triển đô thị

Theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm đến năm 2030, định hướng phát triển không gian như sau:

- Hướng phát triển đô thị từ trung tâm (thị trấn) hiện hữu mở rộng theo hướng Đông về phía sông Cổ Chiên và theo hướng Tây phát triển về hai phía dọc theo Quốc lộ 53, đây là trục đối ngoại quan trọng.

- Cấu trúc không gian đô thị được hình thành trên trục giao thông chính là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Vuông góc và song song với trục đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa là các trục giao thông chính của đô thị kết nối phần mở rộng đô thị phía Đông với phía Tây, gắn kết phần đô thị mở rộng với phần đô thị hiện hữu.

- Dọc theo sông Cổ Chiên và sông Vũng Liêm, tuyến trục cảnh quan được hình thành kết nối các khu chức năng đô thị, có vai trò vừa là trục cảnh quan hoạt động dọc theo sông vừa có chức năng giới hạn khu vực xây dựng để bảo vệ cảnh quan con sông Cổ Chiên và sông Vũng Liêm. Các tuyến giao thông ngang, tạo nên sự nối kết các khu vực chức năng đô thị hai bên trục giao thông chính (đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), hình thành việc mở rộng đô thị từng bước theo dạng phát triển lan tỏa.

- Khu trung tâm đô thị nằm ở phía Bắc của thị trấn, được hình thành trên phần trung tâm hiện hữu và được mở rộng về phía Nam của tuyến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Khu trung tâm này bao gồm các chức năng: trung tâm hành chính – chính trị, thương mại và dịch vụ, trung tâm văn hóa, công viên, tượng đài Đốc binh Lê Cần - Nguyễn Giao tại ngã ba An Nhơn, Khu tưởng niệm Thủ tướng Võ Văn Kiệt...và công viên trung tâm. Trục trung tâm hoạt động đô thị được tổ chức dọc theo 2 bên của trục đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, ngoài các công trình thương mại tập trung quy mô lớn như chợ trung tâm, trung tâm thương mại – dịch vụ các tuyến phố thương mại được hình thành để tạo nên khung cảnh hoạt náo về đêm cho đô thị.

Ngoài ra việc phát triển mở rộng khu dân cư và các dự án thương mại, dịch vụ theo trục giao thông đối ngoại là Quốc lộ 53, phía Bắc của thị trấn (đường 902) và đường 907 cắt ngang thị trấn là cần thiết;

Thúc đẩy các vùng đô thị hóa cơ bản phát triển năng động, kinh tế vững mạnh, bảo đảm mối liên kết phát triển hài hòa giữa các ấp; giữa các xã, giữa phía Đông và phía Tây; giữa khu vực đô thị và nông thôn.

6. Tính chất, các chức năng chính của khu vực

Theo Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đô thị Vũng Liêm được xác định tính chất như sau:

- Là đô thị trung tâm vùng đối trọng phía Đông của tỉnh.
- Là trung tâm giáo dục đào tạo cấp tiểu vùng, trung tâm kinh tế, văn hóa khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.
- Là một trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ của tỉnh Vĩnh Long.
- Là trung tâm du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch văn hóa - lịch sử cấp tỉnh.
- Trung tâm nông nghiệp kỹ thuật cao và chế biến nông thủy sản của tỉnh.

7. Giới thiệu nội dung cơ bản của quy hoạch chung được duyệt

a) Tính chất và chức năng:

- Là đô thị loại IV, đô thị trung tâm vùng đôi trọng phía Đông của tỉnh.
- Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thương mại dịch vụ của huyện Vũng Liêm, trung tâm du lịch, văn hóa - lịch sử của tỉnh.

b) Quy mô dân số khu vực đô thị hóa tập trung:

- Dự báo dân số đến năm 2025 là 22.589 người (giai đoạn đến năm 2025, dự báo tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm với tỷ lệ tăng tự nhiên 1% và tỷ lệ tăng cơ học 3,5%).

- Dự báo dân số đến năm 2030 là 28.830 người (giai đoạn 2025 - 2030, dự báo tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm với tỷ lệ tăng tự nhiên 1% và tỷ lệ tăng cơ học 4%).

c) Phân khu chức năng

Định hướng quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

	Nội dung	Giai đoạn 2025		Giai đoạn 2030	
	Tổng dân số thị trấn Vũng Liêm	22.589 người		28.830 người	
STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng đô thị (1+2)	535,477	23,50	749,629	32,90
1	Đất dân dụng	498,736	21,89	678,999	29,80
1.1.	Đất ở	281,520		309,910	
1.1.1	<i>Đất ở hiện trạng cải tạo chỉnh trang (L1)</i>	67,210		67,210	
1.1.2	<i>Đất ở theo quy hoạch mới (L2)</i>	204,840		217,720	
1.1.3	<i>Đất ở tái định cư + nhà ở XH (L3)</i>	7,470		22,340	
1.1.4	<i>Đất ở kết hợp TMDV (L4)</i>	2,000		2,640	
1.2.	Đất công cộng	26,655		31,815	
1.2.1	<i>Đất thương mại - dịch vụ - công cộng</i>	14,954		20,114	
1.2.2	<i>Đất bảo tàng nông nghiệp</i>	11,701		11,701	
1.3	Đất trường học	17,160		21,433	
1.4	Đất công viên, cây xanh	21,545		45,828	
1.5	Đất hỗn hợp	88,820		137,130	
1.6	Đất giao thông đô thị	63,035		132,883	
2	Đất ngoài dân dụng	36,741	1,61	70,631	3,10
2.1	Đất cơ quan	5,657		5,657	
2.2	Đất y tế	3,410		3,410	
2.3	Đất tôn giáo, di tích	1,989		2,716	
2.4	Đất công trình đầu mối HTKT	0,355		3,496	

2.5	Đất cây xanh	7,725		7,725	
2.5.1	Đất trung tâm văn hóa - TDTT	7,725		7,725	
2.6	Đất an ninh quốc phòng	2,445		5,691	
2.7	Đất nghĩa trang	0,000		1,238	
2.8	Đất chuyên dùng	2,222		2,922	
2.9	Giao thông đối ngoại	12,938		37,775	
B	Đất khác	1.743,05	76,50	1.528,90	67,10
1	Đất ở nông thôn (L5)	162,345		152,110	
2	Đất nông nghiệp	1.065,440		925,804	
2.1	Đất nông nghiệp	1.065,440		340,631	
2.2	Đất dự trữ phát triển (L6)	0,000		585,173	
3	Đất cây xanh cảnh quan ven sông	18,766		49,200	
4	Mặt nước sông Vũng Liêm và kinh rạch	203,364		108,649	
5	Mặt nước sông Cổ Chiên	293,138		293,138	
	Tổng (A+B)	2.278,53	100,00	2.278,53	100,00

d) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa:

- Khu vực đô thị thị trấn Vũng Liêm được đề bao khép kín, cũng như đã xây dựng các công ngăn mặn như: Công Nàng Âm, công Vũng Liêm... nên hầu như không bị ngập, do đó xác định cao độ nền $\geq +2,43$, hệ cao độ Nhà nước năm 2008, hệ số đầm nén K không được thấp hơn 0,85. Cao độ san nền được xác định theo cao trình chống lũ hiện nay của huyện.

- Thoát nước mưa:

+ Quan tâm hạn chế bê tông hóa, tăng diện tích mặt tự thấm, cần thể hiện rõ trong quy hoạch chi tiết cũng như triển khai các dự án theo quy hoạch.

+ Hướng dốc nền cho các lô đất, dốc về phía đường hoặc phía hệ thống thoát nước. độ dốc nền các công trình xây dựng 0,4% đảm bảo cho nước mưa tự chảy vào hệ thống thu nước.

+ Hướng thoát: ra các sông, rạch gần nhất. Phân chia lưu vực: Các lưu vực theo khu đất giới hạn giữa các sông hoặc kênh rạch.

Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Các trục đối ngoại chính:

+ Quốc lộ 53 theo quy hoạch chung có lộ giới 44m.

+ Đường tránh Quốc lộ 53 quy hoạch có lộ giới 44m.

+ Đường Tỉnh 902 đoạn đi qua thị trấn có lộ giới 24m.

+ Đường Tỉnh 907 đoạn đi qua thị trấn có lộ giới 18m.

- Các trục đối nội chính: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa lộ giới 30m, Đường Phong Thới lộ giới 18m, Đường Rạch Trúc lộ giới 24m, Đường Thế Hạnh có lộ giới 18m, Đường nội ô số 01 lộ giới là 18m, Đường nội ô số 02 có lộ giới 18m, Đường nội ô số 03 có lộ giới 18m, Đường nội ô số 04 có lộ giới là 18m.

- Phát triển mới các trục động lực: Đường vành đai 1 lộ giới 28m; Đường vành đai 2 lộ giới 24m.

Quy hoạch cấp nước:

- Hệ thống cấp nước được nối mạng với hệ thống cấp nước của nhà máy nước thị trấn với công suất hiện tại đã được nâng cấp 3000m³ ngày/đêm, nguồn nước lấy từ sông Vũng Liêm, vị trí thuộc áp Trung Tín. Giai đoạn 2030 cần có kế hoạch mở rộng nâng cấp công suất lên 5.000m³ – 6.500 m³.

- Mạng lưới cấp nước: Xây dựng các tuyến ống chính D100-400 nằm trên các trục đường chính.

Quy hoạch thoát nước thải: Quy hoạch bố trí đất Nhà máy nước thải có tổng công suất khoảng 4.500m³ ngày/đêm tại áp Phú Nông, xã Trung Thành Đông. Bố trí quỹ đất để xây dựng trạm xử lý nước thải thoát nước ra sông Vũng Liêm. Nước thải được xử lý cục bộ trước khi thải ra hệ thống thoát chung về khu xử lý tập trung.

Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Nguồn điện: Lưới điện trung thế của thị trấn Vũng Liêm đấu nối lấy điện từ tuyến LTD.471 – Trạm Vũng Liêm 110/22KV 2x40MVA cấp vào thị trấn và nguồn dự phòng (khi có sự cố hoặc sửa chữa lưới điện) để kết vòng là trạm 110kV/22kV Cổ Chiên, trạm 110kV/22kV Trà Vinh.

- Hệ thống điện trung thế hiện trạng đi nổi trên trụ BTLT 12m, BTLT 14m đối với lưới trung thế 1 Pha, 2 dây (12.7KV), tuyến điện cáp nhôm bọc AsXV 50mm², AsXV 70mm² và cáp nhôm trần AC.70mm², AC.95mm², về định hướng sau sẽ thay cáp bọc các tuyến làm mới.

Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống cáp thông tin phải được bố trí hợp lý trên nguyên tắc tiến tới ngầm hóa toàn bộ; hệ thống cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động xây dựng mới được lựa chọn công nghệ thân thiện với môi trường”.

Quản lý chất thải và nghĩa trang:

- Nghĩa trang nhân dân thị trấn Vũng Liêm không bố trí trong thị trấn mà bố trí chung với Nghĩa trang nhân dân cụm xã tại ấp Hòa Nghĩa, xã Trung Thành Tây. Tuyên truyền và vận động nhân dân bỏ tập tục chôn người chết ở vườn nhà của hộ tộc mình.

- Quản lý chất thải rắn: Chất thải được thu gom bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới và phải được phân loại tại nguồn thành chất rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ. Hiện tại vẫn sử dụng chung bãi rác Hòa Phú thuộc huyện

Long Hồ. Định hướng quy hoạch của huyện sẽ có bố trí một bãi dự phòng ở Ấp 4, xã Trung Hiệp.

8. Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị

Trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Vũng Liêm, huyện Vũng Liêm đến năm 2030 đã được phê duyệt và kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh, của huyện trên địa bàn, đề xuất danh mục các dự án trong khu vực phát triển đô thị và tiến độ triển khai trong hai giai đoạn (giai đoạn 1 đến năm 2025 và giai đoạn 2 từ 2026-2030).

Dự án hạ tầng kỹ thuật khung: Các dự án hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung (Giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước) của đô thị được đề xuất làm cơ sở triển khai xây dựng, kết nối các dự án đầu tư phát triển đô thị và đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng khi các dự án phát triển đô thị hoàn thành (*xem Phụ lục I*).

Dự án hạ tầng xã hội khung: Hệ thống hạ tầng xã hội khung bao gồm các dự án đầu tư xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ đô thị phục vụ toàn đô thị được quy hoạch trong khu vực phát triển đô thị (*xem Phụ lục II*).

Dự án phát triển đô thị: Dự án phát triển đô thị gồm nhiều chức năng như: Nhà ở, công trình công cộng (trường học, y tế, văn hóa), hạ tầng kỹ thuật đô thị, cây xanh... được đề xuất từ quy hoạch phân khu chức năng và sử dụng đất của đồ án quy hoạch chung được duyệt (*xem Phụ lục III*). Đối với các dự án phát triển đô thị có chức năng đất nhóm nhà ở mới, đất phát triển hỗn hợp (kết hợp đất ở), trong trường hợp không có nhà đầu tư thực hiện dự án, cơ quan quản lý đầu tư phát triển đô thị có thể tiến hành các thủ tục thu hồi đất để thực hiện đấu giá đất, phân lô bán nền, giao đất hoặc cho thuê đất, theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành để tạo quỹ đầu tư hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

9. Thời hạn thực hiện dự kiến

Thời hạn thực hiện các dự án dự kiến trong 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2022 đến năm 2025.
- Giai đoạn 2: từ năm 2026 đến năm 2030.

10. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị

a) Sơ bộ khái toán:

Tổng mức đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung, công trình đầu mối ưu tiên trên địa bàn đô thị Vũng Liêm theo các giai đoạn phát triển khoảng 8.319.561 triệu đồng, trong đó:

- + Giai đoạn đến năm 2025 là 3.923.502 triệu đồng;
- + Giai đoạn 2026 - 2030 là 4.396.059 triệu đồng;

b) Dự kiến các nguồn lực đầu tư:

Nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị đề xuất từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn ngân sách (Trung ương, tỉnh, huyện);
- Nguồn vốn vay, viện trợ;
- Nguồn vốn doanh nghiệp, tư nhân và xã hội hóa, huy động nhân dân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện Vũng Liêm chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan để tổ chức thực hiện các nội dung của Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Vũng Liêm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao các sở, ban ngành tỉnh và UBND huyện Vũng Liêm căn cứ chức năng và nhiệm vụ tăng cường công tác quản lý, đảm bảo sử dụng đúng và có hiệu quả nguồn lực cho phát triển đô thị nói chung và phát triển hệ thống dịch vụ xã hội nói riêng nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị cho đô thị Vũng Liêm theo nội dung Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị đã đề xuất.

3. Giao Sở Xây dựng hướng dẫn, hỗ trợ UBND huyện Vũng Liêm tổ chức thực hiện Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị, kịp thời hướng dẫn giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương; Giao thông vận tải; Nội vụ; Kho bạc Nhà nước Vĩnh Long; Chủ tịch UBND huyện Vũng Liêm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.24.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt

PHỤ LỤC I

DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Nguồn vốn	Giai đoạn thực hiện
I	Giao thông			
1	Nâng cấp, mở rộng QL53	120.000	NS Trung ương	2026-2030
2	Đường tránh Quốc lộ 53, lộ giới 44m, chiều dài 17,5 km	161.600	NS Trung ương	2026-2030
3	Nâng cấp, mở rộng ĐT 907	50.000	NS tỉnh	2026-2030
4	Nâng cấp, mở rộng ĐT 902	60.000	NS tỉnh	2026-2030
5	Đường vành đai 1 (Điểm đầu giáp quốc lộ 53, xã Trung Thành - điểm cuối đường tỉnh 907).	492.380	NS tỉnh	Đến năm 2025
6	Xây dựng mới đường vành đai 2 (Điểm đầu QL53 – điểm cuối ấp Trường Thọ, xã Trung Thành Tây), chiều dài 5.455m	500.000	NS tỉnh	2026-2030
7	Đường cấp kênh Phong Thới, thị trấn Vũng Liêm	134.200	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
8	Đường D7 (Đường nhánh đường Thế Hanh)	71.000	NS huyện	2026-2030
9	Đường Phú Nông	50.000	NS huyện	2026-2030
10	Nâng cấp mở rộng đường Huyện 65B (đường Trung Thành Tây – Thanh Bình)	50.000	NS tỉnh	2026-2030
11	Nâng cấp, mở rộng đường nội ô số 1	13.817	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
12	Nâng cấp, mở rộng đường nội ô số 2	14.730	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
13	Nâng cấp, mở rộng đường nội ô số 3	14.869	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
14	Đường nội ô số 4 (giai đoạn 1), Khóm 1 – Rạch Trúc	2.406	NS huyện	Đến năm 2025
15	Đường nội ô số 4 (giai đoạn 2), Khóm 2 – Phong Thới	10.000	NS huyện	Đến năm 2025
16	Đường Thế Hanh	128.400	NS tỉnh	Đến năm 2025
17	Đường Rạch Trúc, thị trấn Vũng Liêm	107.268	NS tỉnh, huyện	2022-2030
18	Đường đal ấp An Nhơn (Điểm đầu cầu Hai Việt - điểm cuối nhà ông Huỳnh Vĩnh Thanh)	1.488	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
19	Đường đal ấp An Trung (Điểm đầu nhà ông Nguyễn Văn Nhuận - điểm cuối kênh ranh 3 xã).	1.549	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
20	Đường đal ấp Trung Trạch (Điểm đầu cầu Chùa - điểm cuối nhà ông Nguyễn Văn Huệ)	1.324	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
21	Đường đal ấp Xuân Minh 1 (Điểm đầu cầu	1.306	NS tỉnh, huyện	Đến năm

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Nguồn vốn	Giai đoạn thực hiện
	Xuân Minh 1 - điểm cuối kênh Tám Tân)			2025
22	Đường đal áp Trung Trạch (Điểm đầu Quốc lộ 53 - điểm cuối lộ Xuân Minh 2 - Tân Xuân).	1.312	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
23	Đường đal áp Xuân Minh 2 (Điểm đầu giáp công Ông Bồn - điểm cuối giáp kênh Sậy Đồn).	3.448	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
24	Đường liên ấp Phú Nông, xã Trung Thành Đông	10.353	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
25	Đường liên ấp Đức Hoà - Hoà Thuận, xã Trung Thành Đông	3.320	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
26	Đường liên ấp Hòa Nghĩa - Quới Hiệp; xã Trung Thành Tây	14.599	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
27	Đường liên ấp Trung Hậu - Trường Thọ, xã Trung Thành Tây	23.973	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
28	Đường liên ấp Trung Hậu - Trường Thọ (cấp sông Rạch Lá)	18.405	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
II	Hệ thống cấp nước			
1	Mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước DN100-DN400 khu vực đô thị Vũng Liêm	50.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
2	Nâng công suất nhà máy nước thị trấn lên 6.500m ³ /ngđ đến năm 2030	15.000	NS Xã hội hóa	2026-2030
III	Hệ thống thoát nước, quản lý CTR			
1	Xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt đô thị Vũng Liêm (Công thoát nước D400-D600)	35.000	NS tỉnh, huyện, Vay	2022-2030
2	Xây dựng Trạm xử lý nước thải công suất 4.500 m ³ /ngđ tại ấp Phú Nông xã Trung Thành Đông	20.000	NS tỉnh, Vay	2026-2030
3	Hệ thống xử lý nước thải Ấp Đại Hòa, xã Trung Thành Đông	20.000	NS huyện	2026-2030
4	Khu xử lý chất thải rắn Vũng Liêm, ấp 4, xã Trung Hiệp	50.000	NS tỉnh	2022-2030
5	Mở rộng hệ thống thu gom CTR sinh hoạt đô thị Vũng Liêm	10.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
6	Dự phòng bố trí một bãi dự phòng ở Ấp 4, xã Trung Hiệp	25.000	NS tỉnh, Vay, XHH	2026-2030
7	Nghĩa trang tập trung huyện tại ấp Hòa Nghĩa, xã Trung Thành Tây, quy mô 5,1ha	10.000	NS Xã hội hóa	Đến năm 2025
8	Xây dựng Nhà tang lễ huyện Vũng Liêm	8.000	NS Xã hội hóa	2026-2030
IV	Cấp điện, chiếu sáng ngõ hẻm, thông tin liên lạc			
1	Xây dựng các trạm biến áp 22/0,4kV	50.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
2	Đầu tư lưới điện 22kV	35.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
3	Hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh 907 (xã Trung Hiệp)	2.901	NS tỉnh, huyện	2022-2030
4	Hệ thống chiếu sáng công cộng đường vào	5.703	NS tỉnh, huyện	2022-2030

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Nguồn vốn	Giai đoạn thực hiện
	UBND xã Trung Hiệp			
5	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường chính đô thị	28.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
6	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng ngõ hẻm	8.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
7	Nâng cấp cơ sở hạ tầng bưu chính viễn thông	20.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
8	Xây dựng trạm thu phát sóng di động BTS	5.000	NS Xã hội hóa	2022-2030
V	Công viên, cây xanh			
1	Xây dựng cây xanh ven sông: diện tích 492.000 m ²	110.700	NS huyện, XHH	2022-2030
2	Xây dựng công viên cây xanh: diện tích 428.277 m ²	77.040	NS huyện, XHH	2022-2030
3	Dự án công trình đô thị loại IV. Hạng mục: nâng cấp công viên Vũng Liêm, trồng cây xanh bờ kè, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường số 3, số 4 thị trấn Vũng Liêm	8.950	NS huyện	Đến năm 2025

PHỤ LỤC II**DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Tên Dự án	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Nguồn vốn	Giai đoạn thực hiện
I	Trụ sở cơ quan			
1	Xây dựng mới Trụ sở làm việc UBND thị trấn	15.000	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
2	Trung Tâm hành chính xã Trung Thành	14.684	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
3	Trung Tâm hành chính xã Trung Thành Đông	14.317	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
4	Trung Tâm hành chính xã Trung Thành Tây	20.726	NS tỉnh, huyện	Đến năm 2025
II	Công trình Giáo dục			
1	Xây dựng mới trường THPT	65.000	NS tỉnh	2026-2030
2	Trường THPT Nguyễn Hữu Tự, quy mô 1,4ha	120.000	NS tỉnh	Đến năm 2025
3	Trung tâm GDNN-GDTX	30.000	NS tỉnh	2022-2030
4	Trung tâm Chính trị huyện Vũng Liêm, quy mô 7.000m ²	33.870	NS tỉnh	Đến năm 2025

PHỤ LỤC III
CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhà ở và khu đô thị	Diện tích (ha)	Tổng mức đầu tư (tr.đ)	Nguồn vốn	GD thực hiện
Khu ở hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang					
1	Khu ở hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang	12,16	102.752	XHH	Đến năm 2025
2	Khu ở hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang	8,72	73.684	XHH	Đến năm 2025
3	Trung tâm thương mại và phố chợ Vũng Liêm	0,46	3.887	XHH	Đến năm 2025
4	Khu Tái định cư + Khu nhà ở xã hội	14,87	125.652	XHH	2026-2030
5	Khu ở hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang	70,05	494.553	XHH	Đến năm 2025
6	Khu ở hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang	20,2	170.690	XHH	Đến năm 2025
Khu ở mới					
7	Khu ở mới	28,59	241.586	XHH	Đến năm 2025
8	Khu ở mới	19,55	165.198	XHH	Đến năm 2025
9	Khu ở mới	3,68	31.096	XHH	2026-2030
10	Khu ở mới	15,58	131.651	XHH	2026-2030
11	Khu ở mới	13,69	115.681	XHH	2026-2030
12	Khu ở mới	24,08	203.476	XHH	2026-2030
13	Khu ở mới	12,88	108.836	XHH	2026-2030
14	Khu ở mới	7,62	64.389	XHH	Đến năm 2025
15	Khu ở mới	7,79	65.826	XHH	Đến năm 2025
16	Khu ở mới (Khu đô thị mới Phong Thới)	23,86	50.700	XHH	Đến năm 2025
17	Khu ở mới	8,50	71.825	XHH	2022-2030
18	Khu ở mới	20,27	171.282	XHH	2022-2030
19	Khu ở mới	23,33	197.139	XHH	2022-2030
20	Khu ở mới	4,65	39.293	XHH	Đến năm 2025
21	Khu ở mới	10,49	88.641	XHH	Đến năm 2025
22	Khu ở mới	7,70	65.065	XHH	Đến năm 2025
23	Khu ở mới	11,24	94.978	XHH	2026-2030
24	Khu ở mới	4,42	37.349	XHH	Đến năm 2025
Khu hỗn hợp					
25	Khu hỗn hợp	12,2	103.090	XHH	2026-2030
26	Khu hỗn hợp	9,35	79.008	XHH	2026-2030
27	Khu hỗn hợp	5,54	46.813	XHH	2026-2030
28	Khu hỗn hợp	11,45	96.753	XHH	2026-2030
29	Dự án Khu hỗn hợp công cộng ấp Phú Nông, xã Trung Thành Đông;	3,38	28.561	XHH	2026-2030
30	Khu hỗn hợp	13,92	117.624	XHH	2026-2030
31	Khu hỗn hợp	14,02	118.469	XHH	2026-2030
32	Khu hỗn hợp	13,87	117.202	XHH	2022-2030
33	Khu hỗn hợp	14,6	123.370	XHH	2022-2030
34	Khu hỗn hợp	3,82	32.279	XHH	Đến năm 2025
35	Khu hỗn hợp	8,74	73.853	XHH	2026-2030
36	Dự án Khu hỗn hợp công cộng ấp Trung Xuân 1, xã Trung Thành;	8,12	68.614	XHH	2026-2030
37	Khu hỗn hợp	3,9	32.955	XHH	2026-2030
38	Khu hỗn hợp	21,38	180.661	XHH	2026-2030
39	Khu hỗn hợp	28,33	239.389	XHH	2026-2030